

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày: 26- 3- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Quý

Ông Dương Đình Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2018/TLST- HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lã Quý Đ, sinh ngày 26 tháng 5 năm 1978 tại Thái Bình;

Trú tại: Phố N, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lã Quý H và bà Lê Thị N (đều đã chết). Vợ: Đỗ Việt A (đã ly hôn năm 2012). Con: Có 01 con sinh năm 2010. Tiền sự: Không. Tiền án: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 19/12/2017, tạm giam ngày 22/12/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên vàng bạc H.

Địa chỉ: Đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H - Giám đốc Công ty (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn H

2. Anh Đỗ Văn T

3. Anh Lê Văn H1

4. Chị: Phạm Thị N

5. Chị Hoàng Thị N

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn T sinh năm 1992, trú tại xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên và Phạm Văn V, sinh năm 1991 cùng trú tại địa chỉ trên đều là thợ kim hoàn chế tác các mẫu dây chuyền bạc mạ vàng tương tự các mẫu dây chuyền vàng 10 chỉ bán trên thị trường. Phạm Văn V tạo ra các mẫu dây chuyền bạc, sau đó Đỗ Văn T chỉnh sửa mạ một lớp vàng vào tạo thành các mẫu dây chuyền bạc mạ vàng. Đỗ Văn T cấu kết bàn bạc với Lê Văn H1, sinh năm 1982 trú tại xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Bá H sinh năm 1985, trú tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; Phạm Thị N sinh năm 1987, trú tại xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Lê Văn H sinh năm 1990, trú tại xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai và Lã Quý Đ, trú tại Phố N, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên đến tỉnh Lạng Sơn, phân công nhau đến các cửa hàng vàng bạc mua dây chuyền vàng loại 10 chỉ tương tự như dây chuyền bạc mạ vàng Đỗ Văn T và đồng bọn chuẩn bị, đem về cất lấy 02 đầu móc có ký hiệu của cửa hàng vàng nói phần dây chuyền bạc mạ vàng vào rồi đem dây chuyền giả đó đến các cửa hàng vàng đã mua đổi lấy những sợi dây chuyền bằng vàng thật đem đi tiêu thụ. Trong khoảng thời gian cuối năm 2016, Đỗ Văn T và đồng bọn đã thực hiện 05 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 05 chiếc dây chuyền vàng tại 05 cửa hàng kinh doanh vàng bạc trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 05/12/2016 Đỗ Văn T, Lê Văn H1, Phạm Thị N và Lê Văn H đi xe mô tô từ tỉnh Hưng Yên đến thành phố L thuê phòng nghỉ tại Nhà nghỉ 88, đường V, phường C, thành phố L. Khoảng 09 giờ ngày 06/12/2016 Lê Văn H1 gọi điện cho Lã Quý Đ bảo Lã Quý Đ lên thành phố L. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày thì Lã Quý Đ đi ô tô khách lên đến thành phố L. Lê Văn H đi xe mô tô ra khu vực công chợ Đ đón Lã Quý Đ về nhà nghỉ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày Đỗ Văn T đưa cho Lã Quý Đ số tiền 34 triệu đồng để Lã Quý Đ đi mua dây chuyền vàng. Lê Văn H cùng Lã Quý Đ đi xe mô tô đến hiệu vàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên vàng bạc H (Công ty TNHH) tại đường B, phường H, thành phố L do bà Lê Thị H sinh năm 1964 làm giám đốc, Lê Văn H đứng chờ ở ngoài còn Lã Quý Đ vào quầy mua 01 sợi dây chuyền vàng với giá 33.500.000 đồng. Sau đó Lã Quý Đ và Lê Văn H quay lại nhà nghỉ đưa cho Đỗ Văn T. Đỗ Văn T dùng kéo cắt 02 đầu móc khóa có ký hiệu cửa hàng vàng bạc L ra, dùng máy khò nối 02 đầu móc khóa với dây chuyền bạc mạ vàng. Sau khi hàn nối, đánh bóng xong, Đỗ Văn T đưa cho Lã Quý Đ quay lại cửa hàng vàng bạc H gặp chị Hoàng Thị N sinh năm 1977, trú tại đường B, phường H, thành phố L là nhân viên của cửa hàng đổi lấy sợi dây chuyền vàng đem về nhà nghỉ đưa cho Đỗ Văn T. Ngày 7/12/2016 Đỗ Văn T cùng đồng bọn trở về Hưng Yên. Khoảng 02 ngày sau Đỗ Văn T cầm sợi dây

chuyển vàng chiếm đoạt được đi bán, sau đó đến địa chỉ phố N, thị trấn B gặp Lã Quý Đ trả công cho Lã Quý Đ số tiền 07 triệu đồng.

Sau khi hành vi lừa đảo bị phát hiện, ngày 21/01/2017 bà Lê Thị H là Giám đốc của công ty TNHH Một thành viên vàng bạc H đã đến trình báo Công an.

Tại bản kết luận giám định số 973 ngày 13/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Dây chuyền tại cửa hàng kinh doanh vàng bạc H trị giá 33.550.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 1596 ngày 7/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

Phần móc khóa dây chuyền hiệu vàng H 4,05 gam = 1,08 chỉ x 3.355.000 = 3.623.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh truy nã đối với Lã Quý Đ.

Ngày 19/12/2017 Lã Quý Đ đến đầu thú tại Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế Công an thành phố Hà Nội.

Tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Lã Quý Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với Đỗ Văn T, Lê Văn H, Lê Văn H1, Nguyễn Bá H, Phạm Văn V và Phạm Thị N đã bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xét xử tại bản án số 87/2017/HSST ngày 13/11/2017. Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 28 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lã Quý Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Lã Quý Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, cụ thể: Do có sự bàn bạc, thống nhất với Đỗ Văn T, Lê Văn H1 và Lê Văn H về việc lên tỉnh Lạng Sơn để lừa đảo các tiệm vàng, chiếm đoạt tài sản. Ngày 06/12/2016, Lã Quý Đ đã cùng Đỗ Văn T và Lê Văn H lừa đảo chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng tại hiệu vàng của Công ty TNHH Một thành viên vàng bạc H đường B, phường H, thành phố L. Trong vụ lừa đảo này Lã Quý Đ được Đỗ Văn T chia số tiền 07 triệu đồng.

Các đối tượng Đỗ Văn T, Lê Văn H, Lê Văn H1 cùng tham gia lừa đảo trong vụ án đều đã khai diễn biến quá trình bàn bạc và thực hiện việc lừa đảo tại tiệm vàng H ngày 06/12/2016, trong đó Lã Quý Đ là người trực tiếp thực hiện việc đổi dây chuyền. Các đối tượng Đỗ Văn T, Lê Văn H, Lê Văn H1 đã bị xét xử, bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Thị H đại diện bị hại Công ty TNHH Một thành viên vàng bạc H đề nghị buộc bị cáo Lã Quý Đ phải liên đới bồi thường tài sản bị chiếm đoạt là chiếc dây chuyền vàng trị giá 30.000.000 đồng. Cụ thể: Đỗ Văn T 15.000.000 đồng, Lê Văn H và Lã Quý Đ mỗi người 7.500.000 đồng. Phần bồi thường của Đỗ Văn T và Lê Văn H đã thể hiện trong bản án số 87/2017/HSST ngày 13/11/2017 đã có hiệu lực pháp luật. Nay Lã Quý Đ mới bị đưa ra xét xử nên bà Lê Thị H đề nghị

buộc Lã Quý Đ phải bồi thường cho Công ty TNHH Một thành viên vàng bạc H số tiền 7.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo Lã Quý Đ và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lã Quý Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- + Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 139; Điều 20; Điều 53; Điều 33; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.
- + Xử phạt bị cáo Lã Quý Đ từ 24 đến 30 tháng tù.
- + Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản để đảm bảo thi hành án.
- Về dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bị cáo phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH Một thành viên vàng bạc H số tiền 7.500.000 đồng.
- Về án phí: Buộc bị cáo phải phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo Lã Quý Đ có ý kiến với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn về việc Lã Quý Đ không trực tiếp bàn bạc với các bị cáo khác đến Lạng Sơn để thực hiện lừa đảo các hiệu vàng. Tuy nhiên, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội, không oan. Trong lời nói sau cùng, bị cáo ân hận về việc làm của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Lã Quý Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định: Đỗ Văn T là thợ kim hoàn và có thể chế tác dây chuyền bạc mạ vàng nên nảy sinh ý định làm dây chuyền bạc mạ vàng để lừa đảo. Đỗ Văn T thuê Phạm Văn V làm dây chuyền bạc hình thức giống các dây chuyền vàng bán trên thị trường; sau đó Đỗ Văn T căn chỉnh và mạ một lớp vàng bên ngoài thành dây

chuyên bạc mạ vàng không có phần móc khóa. Đỗ Văn T bàn bạc với các bị cáo khác cùng nhau đến tỉnh Lạng Sơn để lừa đảo các tiệm vàng bằng cách Đỗ Văn T mang theo dây chuyền giả và đưa tiền cho các bị cáo khác đến tiệm vàng mua dây chuyền vàng thật đem về đưa cho Đỗ Văn T cắt lấy phần móc khóa, hàn dây chuyền giả vào tạo thành dây chuyền mới rồi đưa cho các bị cáo quay lại tiệm vàng đổi lấy dây chuyền vàng thật có trọng lượng tương đương. Với thủ đoạn này, khoảng 16 giờ ngày 06/12/2016 tại tiệm vàng của Công ty TNHH Một thành viên vàng bạc H ở đường B, phường H, thành phố L, Lã Quý Đ cùng đồng bọn bao gồm Đỗ Văn T và Lê Văn H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 01 sợi dây chuyền vàng (không có phần móc chìa khóa) của Công ty H trị giá 29.927.000 đồng. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lã Quý Đ đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999. Việc truy tố bị cáo theo điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các đối tượng Đỗ Văn T và Lê Văn H đã bị đưa ra xét xử và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong dư luận xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung đối với những người khác đang có ý định phạm tội.

[4] Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm, trong đó Đỗ Văn T là người tổ chức, chủ mưu, chuẩn bị công cụ, phương tiện và phân công các bị cáo khác. Bị cáo Lã Quý Đ là người thực hành. Bản thân Lã Quý Đ tham gia lừa đảo 01 vụ ngày 06/12/2016 tại tiệm vàng Công ty TNHH Một thành viên vàng bạc H và được Đỗ Văn T chia 7.000.000 đồng.

[6] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi vụ án được phát giác, nhận thức rõ hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo đã đến Cơ quan Công an để đầu thú. Vì vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[9] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, yếu tố về nhân thân cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh ngày 30/01/2018 xác định: Bị cáo Lã Quý Đ không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản để đảm bảo thi hành án, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lã Quý Đ phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH Một thành viên vàng bạc H số tiền 7.500.000 đồng.

[12] Đối với những vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội thu giữ của các đối tượng có liên quan trong vụ lừa đảo tại tiệm vàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên vàng bạc H đã được xử lý tại bản án số 87/2017/HSST ngày 13/11/2017, đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[13] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải chịu án 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm và 375.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước.

[14] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và các vấn đề khác đề nghị khi giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 139; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 42; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lã Quý Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lã Quý Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 19/12/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về dân sự: Buộc bị cáo Lã Quý Đ phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH Một thành viên vàng bạc H, địa chỉ: Đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không trả số tiền nêu trên, thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468

của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Lã Quý Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 375.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Sinh

